

Bản án số: 481/2021/HS-PT  
Ngày 09 tháng 12 năm 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy;

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Thanh Dũng;

Ông Dương Tuấn Vinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 437/2021/TLPT-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Trần H và bị cáo Nguyễn Văn T; Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

1/. **Trần H**, sinh năm 1981 tại tỉnh Đồng Nai; nơi ĐKKTTT và cư trú: Xóm 1, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Thợ hồ; con ông: Trần C1, sinh năm 1954; con bà Võ Thị M1, sinh năm 1955; hiện cư trú tại: Xóm 1, thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; gia đình có 05 anh em, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1986, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; vợ con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/01/2005, Trần H bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 16 năm tù về tội “*Giết người*”; bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2013 và đã đóng án phí, hình phạt bổ sung đầy đủ (đã được xóa án tích); bị cáo bị bắt ngày 29/02/2020. (có mặt)

**- Người bào chữa cho bị cáo Trần H:** Luật sư Liêng Hót Hà S – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

2/. **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: Cu); sinh năm 1998 tại tỉnh Lâm Đồng;

nơi ĐKKHKT và cư trú: Thôn H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Phụ xe; con ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1969; con bà Nguyễn Thị Mỹ M2, sinh năm 1969; hiện cư trú tại: thôn H2, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; gia đình có 03 anh em, lớn nhất sinh năm 1993, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang tại ngoại. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Luật sư Hoàng Sáng T1 – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)*

- *Người bị hại:*

1/. Ông Nguyễn Bảo L; sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2/. Ông Trần Phú Q; sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3/. Ông Trần Thanh Tr; sinh năm 1968; nơi cư trú: thôn S, xã H3, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*(Trong vụ án còn có bị cáo Trần Huyền P, Trần Quốc U, Huỳnh Văn D không kháng cáo, Tòa án không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần H, Trần Quốc U, Huỳnh Văn D, Trần Huyền P, Nguyễn Văn T đều là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên tụ tập sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, các đối tượng đã bàn bạc, cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 17 giờ 00 ngày 13/11/2019, Trần H đi xe máy Sirius biển số: 49G1-018.52 đến nhà Trần Quốc U (nhà thuê) tại đường cao tốc gần vòng xoay K. Sau khi uống rượu khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, thì H rủ U đi lòng vòng từ vòng xoay K theo quốc lộ 27 về hướng Lâm Hà rồi đi ngược lại ra theo đường cũ. Khi đến căn nhà tại địa chỉ số 94, thôn S, xã H3, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng của ông Trần Thanh Tr, thì H và U thấy nhà đang xây gần hoàn thiện, không có ai trông coi nên H và U đã dựng xe máy trước cổng rồi đi vào bên trong khuôn viên nhà, U gom 05 cây sắt hộp cạnh 3cm, dài 03m và đến vị trí xe tải loại 750kg biển số 49C-012.75 của ông Tr đang đậu trong sân gỡ trộm bình ác quy. Còn H thì đi đến cửa chính của căn nhà mở cửa đi vào bên trong (cửa không khóa), thấy H vào được trong nhà nên U vào theo. H, U đi lên lầu đến phòng thờ, thấy có bức tượng đá được chạm khắc hình bàn tay Phật màu trắng đục cao khoảng 80cm có đế gỗ và được bọc nilong bên ngoài thì H nói với U “bức tượng này đẹp mang về chơi”, U đồng ý sau đó U và H cùng nhau khiêng bức tượng đá xuống tầng dưới rồi khiêng ra sân. H nói U gọi cho O, D đến chở

“đồ” về. U đã gọi điện thoại cho O và nói O, D đến để phụ chở “đồ” về với H và U; D và O biết là đi chở tài sản trộm cắp và được U chỉ đường. Nên O chở D bằng xe máy Wave RS đỏ đen (không nhớ biển số) của O đến gặp U đứng trước cổng chờ đón O và D. Khi đến trước cổng nhà ông Tr, O quay đầu xe lại lùi sát xe vào cổng để tránh sự phát hiện của mọi người, O đứng ngoài cảnh giới, còn D vào sân nhà phụ H và U khiêng bức tượng từ trong sân ra xe máy của O đang đợi. Khi cả ba khiêng được bức tượng đặt lên xe thì D ngồi sau xe ôm bức tượng đá còn để gổ để trước ba ga xe máy để O chở về lại nhà thuê của U trên đường cao tốc K. Còn U lấy 05 cây sắt và 01 bình ác quy xe tải (đã gổ trước đó) mang ra xe H đã đợi sẵn để chở về nhà của U. Khi tất cả về tới nhà của U thì O, D, U khiêng bức tượng đá vào để ở phòng khách rồi cả bốn người ngủ tại đây. Sáng hôm sau H đi về. Đến khoảng đầu tháng 12/2019, do chủ nhà lấy lại nhà không cho U thuê nữa, nên H đã nhờ Trần T2 (là em trai của H) chở bức tượng đá này đến gửi ở nhà của Nguyễn Thanh L1 tại số 23 đường Đ1, thị trấn X, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng căn nhà này L1 thuê ở.

Người bị hại: anh Trần Thanh Tr bị mất 01 bức tượng đá, 05 cây sắt và 01 bình ác quy. Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định 01 tượng đá có đế giữ chân bằng gổ trị giá 52.000.000 đồng; 05 cây sắt trị giá 300.000 đồng và 01 bình ác quy trị giá 600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H, U, D chiếm đoạt của anh Tr là 52.900.000 đồng. Hiện bị hại đã nhận lại bức tượng nói trên; 05 cây sắt và bình ác quy không thu hồi được, anh Tr không có yêu cầu bồi thường gì.

Lần 2: Sau nhiều ngày quan sát thấy căn nhà chòi của anh Trần Phú Q trên QL27 thuộc thôn A, xã L, huyện Đ đóng cửa không có ai trông coi nên khoảng 17 giờ 00 ngày 17/01/2020, Trần H đã sử dụng xe máy Yamaha Sirius 49G1-018.52 đến căn nhà chòi của anh Q sử dụng đá phá ổ khóa cổng và ổ khóa cửa chính nhà chòi để vào bên trong trộm cắp tài sản. Khi vào trong căn chòi, H đã lấy trộm các tài sản gồm: 01 tủ lạnh hiệu Toshiba màu đen dung tích 180 lít; 01 bếp ga hiệu Bluestar màu đen; 01 bình ga hiệu VT-Gas; 01 tượng phật di lặc bằng gổ xá xỉ; 01 gạc tàn thuốc bằng gổ; 01 chăn bông ni loại Trung Quốc; 01 vali đựng đồ bằng vải màu xanh; 02 bình rượu tự ngâm loại 10 lít. Sau đó H sử dụng xe máy biển số 49G1-018.52 để chở các tài sản này về nhà thuê của H tại R, xã P, huyện Đ để sử dụng. Đến ngày 29/02/2020 bị thu giữ, riêng 02 bình rượu đã bị vỡ.

Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định: 01 tủ lạnh hiệu Toshiba màu đen dung tích 180 lít; 01 bếp ga hiệu Bluestar màu đen; 01 bình ga hiệu VT-Gas; 01 tượng phật di lặc bằng gổ xá xỉ; 01 gạc tàn thuốc bằng gổ, 01 chăn bông, 01 vali đựng đồ, 02 bình rượu ngâm trị giá 7.200.000 đồng. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại gồm tủ lạnh, bếp ga, bình ga, tượng phật di lặc, gạc tàn thuốc. Đối với các đồ vật là chăn bông, vali đựng đồ, 02 bình rượu ngâm, do tài sản không có giá trị và đã qua sử dụng nên anh Q không yêu cầu bồi thường.

Lần 3: Khoảng 17 giờ 00 ngày 09/02/2020, Trần H gọi cho Nguyễn Văn T rủ Trần Huyền P lên nhà của H thuê ở tại thôn R, xã P, huyện Đ chơi. Khoảng 19 giờ 00 thì P mượn xe máy của bạn chở T đến nhà thuê của H, tại đây H lấy bia trong tủ lạnh ra cùng P, T uống bia tại chiếu đặt giữa nhà, trong lúc uống bia có sử dụng ma túy đá; H nói: *“gần đây có vườn lan nhưng hiện giờ không có ai trong coi, tui mình qua đó lấy trộm ít cây lan về chơi”*; P nghe rõ và đồng ý, còn T thì đang chơi điện tử trên điện thoại nên không nói gì. Lúc sau H ra sau nhà lấy một kiềm bấm và một mỏ lách (mục đích sử dụng để phá khóa) bỏ vào một ba lô màu xanh đen, rồi đi ra nói với T *“chở H và P đi công việc”*, T cầm chìa khóa ra ngoài lấy xe máy chở H, P đi theo sự hướng dẫn của H, T chạy xe, P ngồi giữa H ngồi sau cầm ba lô. Khi T chạy xe đến đầu đường gần nhà của anh Nguyễn Bảo L thì H nói T dừng xe, H và P xuống xe. Thời điểm này, H thấy bên kia đường có người phụ nữ khởi động xe máy, thì H nói T đuổi theo người phụ nữ, T không nói gì và quay đầu đi theo người phụ nữ, khi đi theo người phụ nữ đến ngã ba H giao với quốc lộ 20, huyện Đ, thấy người phụ nữ này dừng xe lại thì T dừng xe quay lại căn nhà tôn nơi H và P xuống xe. Trong lúc T chạy theo người phụ nữ thì H và P vào bẻ khóa nhà vào bên trong. T thấy H và P đã vào căn nhà tôn; T biết là H và P vào căn nhà tôn để trộm cắp tài sản, ngay lúc này H thấy T chạy xe lại thì H vẫy tay ra hiệu cho T đi về nên T đi về phòng trọ của H đợi. H và P đi vào phòng ngủ rồi qua nhà chứa lan bên cạnh, H nhổ các cây lan trong chậu ra để dưới đất, P đi tìm một thùng xốp màu trắng, H nhổ hết các cây lan bỏ vào thùng xốp, rồi gọi điện thoại cho T đến đón H và P. Trong lúc chờ T, H thấy hai khay đựng các khúc đoạn thân cây lan (hay gọi là KEI lan) trên bàn thì H nói P đổ hết vào thùng xốp và lấy nắp đậy thùng xốp lại, còn H đi vào phòng ngủ để lấy trộm một điện thoại di động Nokia 105 màu đen và một điện thoại di động Samsung J7 bỏ vào túi quần. Lúc T chạy xe máy đến thì P ôm thùng xốp đựng các cây lan trộm cắp được đi ra, H đi ra sau để đóng cửa nhà anh L lại. T chạy xe máy chở P ngồi giữa còn H ngồi sau cùng ôm thùng xốp đựng các cây lan. Đến phòng trọ của H, P chuyển thùng xốp đựng lan ra sau nhà. Lúc này H móc trong túi ra chiếc điện thoại khoe với P và T là *“mới lấy được”* trong nhà tôn. Sau đó P và T chạy xe về lại xã N, huyện Đ. Sáng ngày hôm sau, H gọi điện thoại rủ P và T đến nhà hỏi mượn tiền mua chậu trồng lại các cây lan thì P nói không có. T hỏi H cho mượn chiếc điện thoại Samsung trộm được thì H lấy điện thoại Samsung trộm được đưa cho T, T cầm chiếc điện thoại này đi vào huyện Lâm Hà cầm cho một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) để đổi lấy ma túy sử dụng. Qua ngày hôm sau, H bỏ tất cả các cây lan và khúc đoạn thân cây lan mà H, P, T đã trộm vào một sọt nhựa màu vàng đem xuống vườn của P tại thôn Thiện Chí, xã N, huyện Đ để trồng lại. Nhưng khi xuống vườn thì không có chậu để trồng nên H để tất cả số lan này lại vườn của P. Sáng ngày hôm sau, H mang theo chậu, vỏ thông quay trở lại vườn của P cùng T chặt nhỏ vỏ thông bỏ vào chậu trồng lan. Sau khi trồng lan vào chậu, H treo các chậu lan lên giàn trên hồ chứa nước nhà P cho đến khi bị phát hiện và thu giữ.

Người bị hại: anh Nguyễn Bảo L, sinh năm: 1991, HKTT: Thôn R, xã P,

huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng bị mất trộm các cây hoa lan và 02 điện thoại. Tại kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xác định số lan trên có giá trị là 3.737.200.000 đồng, 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 105 giá trị 308.000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung J7 giá trị 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H và P chiếm đoạt của anh L là 3.739.008.000 đồng. Hiện Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại các chậu lan và khúc đoạn thân cây lan cho bị hại. Đối với điện thoại Nokia 105 và Samsung J7 không thu hồi được, anh L không có yêu cầu bồi thường gì.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần H; xử phạt bị cáo Trần H 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Trần Huyền P, Trần Quốc U, Huỳnh Văn D; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 31/5/2021, bị cáo Trần H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và định giá lại tài sản.

Ngày 01/6/2021, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo không đồng ý với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xét xử và cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Việc định giá tài sản của cấp sơ thẩm được thực hiện đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của bị cáo H, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H. Đối với kháng cáo của bị cáo T, quá trình điều tra bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo H và bị cáo P. Bị cáo cho rằng mình bị ép cung là không có căn cứ. Bị cáo là đồng phạm giúp sức tích cực. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 12 năm tù là phù hợp; không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần H trình bày: Việc định giá tài sản của cấp sơ thẩm là chưa đúng quy định pháp luật dẫn đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo H là nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc định giá tài sản và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo T không biết việc trộm cắp tài sản của bị cáo H và P; không có chứng cứ chứng minh T có bàn bạc với các bị cáo khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Việc định giá tài sản của cấp sơ thẩm là không đúng quy định pháp luật; giá trị thực tế của các cây lan này không cao như vậy.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T cùng với Trần Quốc U, Huỳnh Văn D, Trần Huyền P là những đối tượng không có nghề nghiệp ổn định và thường tụ tập cùng nhau để sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, các bị cáo đã bàn bạc, cùng nhau thực hiện trộm cắp tài sản. Cụ thể bị cáo Trần H đã tổ chức các bị cáo khác thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày 13/11/2019 (bị hại Trần Thanh Tr), 17/01/2020 (bị hại Trần Phú Q), 09/2/2020 (bị hại Nguyễn Bảo L). Bị cáo Nguyễn Văn T tham gia cùng bị cáo Trần H và Trần Huyền P vụ trộm cắp vào ngày 09/2/2020 tại nhà của bị hại Nguyễn Bảo L.

Theo Kết luận giám định của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì: Tổng giá trị tài sản trộm cắp vào ngày 13/11/2019 là 52.900.000 đồng; tổng giá trị tài sản trộm cắp vào ngày 17/01/2020 là 7.200.000 đồng; tổng giá trị tài sản trộm cắp vào ngày 09/2/2020 là 3.739.008.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Văn T:

Bị cáo T thừa nhận thực hiện hành vi khách quan như bản án sơ thẩm đã nêu; tuy nhiên bị cáo cho rằng bị cáo không biết việc Trần H và Trần Huyền P đến nhà anh Nguyễn Bảo L để trộm cắp tài sản nên cho rằng bị cáo chỉ phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Xét thấy: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T trong quá trình điều tra thừa nhận biết việc bị cáo H và P đến nhà bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo H và P cũng xác định vào ngày 09/2/2020, tại nhà của H, H rủ P và T đến nhà anh L lấy trộm hoa lan, được P và T đồng ý; sau đó, H lấy dụng cụ phá khóa; T chở H và P đến trước nhà của anh L để H và P vào nhà trộm cắp tài sản.

Sau khi bị cáo H, P lấy trộm các cây lan thì bị cáo T quay trở lại chở bị cáo H, P và toàn bộ số lan trộm được về. Bị cáo T chở bị cáo H, P đến nhà người dân không quen biết vào ban đêm, không có người trông coi, có hành vi lén lút vào nhà người khác, sau khi lấy được tài sản thì bị cáo chở người cùng tài sản trộm cắp về nhưng lại cho rằng không biết việc H, P trộm cắp tài sản là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần H, việc định giá tài sản và mức hình phạt đã tuyên đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Đối với kháng cáo yêu cầu định giá lại tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy cơ quan điều tra đã tiến hành định giá tài sản trộm cắp đúng quy định tại Điều 100, Điều 101 Bộ luật tố tụng hình sự về thành phần, thủ tục, nội dung thực hiện nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về nội dung này.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Các bị cáo bị xét xử theo khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt từ 12 năm đến 20 năm tù. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; từ đó xử phạt bị cáo H 15 năm tù, bị cáo T 12 năm tù là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2021/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên bố các bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trần H; xử phạt bị cáo Trần H 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn T; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo Trần H, Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng (3);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng (2);
- BCTN (1)
- Lưu VP(3), HS(2).16b.HDT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Thủy**